

**TỔNG CÔNG TY 36-CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94 /CV-TCT  
V/v : về việc Tranh chấp chứng thư  
bảo lãnh

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2026

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **Tổng công ty 36-CTCP**

- Mã chứng khoán: **G36**

- Địa chỉ: Số 141 Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

- Điện thoại: 024 66636625

- Email: [tongcongtty36ctcp@gmail.com](mailto:tongcongtty36ctcp@gmail.com)

- Loại thông tin công bố: ☒ 24h ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐ Theo yêu cầu


2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 04/02/2026, Tổng công ty 36 - CTCP nhận được Bản án Số: 307/2025/KDTM-PT ngày 21/12/2025 Về việc tranh chấp chứng thư bảo lãnh.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 05/02/2026 tại đường dẫn: <http://36corp.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

  
- Bản án số : 307/2025/KDTM-PT ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nguyễn Đăng Giáp**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **307/2025/KDTM-PT**

Ngày: 25/12/2025

V/v: Tranh chấp chứng thư bảo lãnh

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thanh Thảo

Bà Nguyễn Thị Hạnh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:** Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 198/2025/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp chứng thư bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1053/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 1110/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh – Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Minh Bảo; CCCD số 040084000176 cấp ngày 20/4/2023 (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Đức Lợi; CCCD số 001089054059 cấp ngày 01/11/2021 (Có mặt)

Ông Hoàng Mạnh Tuấn; CCCD số 040092037222 cấp ngày 08/7/2021 (Có mặt)

**TỔNG CÔNG TY 36 - CTCP**

Số: 222

Ngày 04 tháng 02 năm 2026



Cùng địa chỉ: Tầng 17 tháp C Tòa nhà Central Point, số 219 Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**2. Bị đơn: Tổng Công ty 36 - CTCP**

Địa chỉ: Số 141 Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Giáp – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Bùi Quang Bát, sinh năm 1976; CCCD số 025076011459 cấp ngày 25/9/2024

- Bà Đỗ Thị Hà, sinh năm 1972; CCCD số 027172002897 cấp ngày 29/4/2021

- Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh, sinh năm 1977; CCCD số 040177024163 cấp ngày 10/5/2021

Cùng địa chỉ: Số 141 Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội (Có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần 36.55**

Địa chỉ: Số 38 ngách 25 ngõ 358 phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Tuấn – Giám đốc (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo đề nghị vay vốn của Công ty CP 36.55, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 150319/HDHM/VPB-36.55 ngày 19/03/2019, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 15/12/2020 và Hợp đồng cho vay số 180119/HDTD/VPB-36.55 ngày 19/03/2019 với Công ty CP 36.55. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty cổ phần 36.55 theo các khế ước nhận nợ còn dư nợ là: 31.309.928.000 đồng.

Do Công ty cổ phần 36.55 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện Công ty cổ phần 36.55 ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định. Ngày 27/6/2023, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã xét xử và ban hành bản án số 33/2023/KDTM-ST giải quyết tranh chấp giữa Ngân hàng và Công ty cổ phần 36.55. Bản án này bị kháng cáo và được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử theo thủ tục phúc thẩm và ban hành Bản án số 19/2024/KDTM-PT ngày 24/01/2024. Theo đó, Tòa án quyết định:

- Buộc Công ty cổ phần 36.55 phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tính đến ngày 26/05/2023 là: Gốc: 12.827.500.000 đồng, Nợ lãi: 6.979.265.256 đồng. Tổng cộng: 19.806.765.256 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (27/05/2023), Công ty cổ phần 36.55 còn

phải chịu lãi suất của khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Căn cứ Bản án đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và tại Điều 4 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 150319/HĐHM/VPB-36.55 ngày 19/3/2019 và điều 3 hợp đồng cho vay số 180119/HĐTD/VPB-36.55 ngày 19/3/2019 về các biện pháp bảo đảm để đảm bảo các nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng này các bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây: “...Các biện pháp tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa các bên Ngân hàng với bên vay/bên thứ ba nếu có.”. do vậy, phạm vi bảo lãnh sẽ được bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực hợp đồng.

Ngày 02/01/2015, Tổng Công ty 36 phát hành Bảo lãnh vay vốn không số /TCT36-BLVV. Theo đó, Tổng Công ty 36 bảo lãnh cho Công ty TNHH Một thành viên 36.55 (nay là Công ty cổ phần 36.55) được vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với nội dung như sau:

- Tên đơn vị được bảo lãnh: Công ty TNHH Một thành viên 36.55 (nay là Công ty cổ phần 36.55)
- Tổng số tiền được bảo lãnh: 200.000.000.000 đồng (Bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán nợ vay gốc, lãi, lãi phạt và phí, các khoản bảo lãnh và các nghĩa vụ nợ khác).
- Thời gian bảo lãnh: Kể từ ngày vay đến khi Công ty TNHH Một thành viên 36.55 hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ nợ với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Công ty TNHH Một thành viên 36.55 có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ gốc, lãi và phí theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với Ngân hàng.

Tổng Công ty 36 đảm bảo không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng trong vòng 10 ngày làm việc sau khi có văn bản yêu cầu thanh toán đầu tiên của Ngân hàng thông báo trường hợp Công ty TNHH Một thành viên 36.55 không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay Ngân hàng”.

Sau khi bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực, Ngân hàng đã gửi thông báo yêu cầu Công ty cổ phần 36.55 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tổng Công ty 36 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng không nhận được phản hồi của hai doanh nghiệp này. Ngân hàng cũng đã có đơn yêu cầu thi hành án nhưng Công ty cổ phần 36.55 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Tổng công ty 36 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần 36.55 toàn bộ số tiền Công ty cổ phần 36.55 phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2024/KDTM-PT ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và



bảo lãnh vay vốn số TCT36-BLVV ngày 02/01/2015. Cụ thể là Tổng công ty 36 phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền tính đến ngày 26/5/2023 là 19.806.765.256 đồng, trong đó nợ gốc là 12.827.500.000 đồng, nợ lãi là 6.979.265.256 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng trên. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/5/2023), Công ty cổ phần 36.55 còn phải chịu lãi suất của khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trường hợp Tổng công ty 36 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản của Tổng Công ty 36 để thi hành nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần 36.55.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Tổng công ty 36 – CTCP không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các căn cứ sau:

1. Thời điểm vay vốn của Công ty TNHH Một thành viên 36.55 đang có tư cách pháp nhân là Công ty TNHH. Tổng công ty 36 đã phát hành giấy bảo lãnh vay vốn ngày 02/01/2015 ký giữa Tổng công ty 36 với Ngân hàng bảo lãnh cho Công ty TNHH Một thành viên 36.55 có nội dung sau:

- *Tên đơn vị được bảo lãnh:* Công ty TNHH Một thành viên 36.55

- *Thời gian bảo lãnh:* Kể từ ngày vay đến khi Công ty TNHH Một thành viên 36.55 hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nợ với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

- *Tổng công ty 36 đảm bảo không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng trong vòng 10 ngày làm việc sau khi có văn bản yêu cầu thanh toán đầu tiên của Ngân hàng thông báo trù hoãn hợp Công ty TNHH Một thành viên 36.55 không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.*

Đối với giấy bảo lãnh vay vốn ngày 02/01/2015 giữa Tổng công ty 36 với VPBank cho Công ty TNHH MTV 36.55 sẽ hết hiệu lực khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của pháp nhân Công ty TNHH MTV 36.55 cho VPBank.

2. Thời điểm Công ty TNHH MTV 36.55 chuyển đổi thành Công ty cổ phần, theo hồ sơ pháp lý bao gồm:

- Quyết định số 914/QĐ-BQP ngày 25/3/2014, của Bộ Quốc Phòng về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 36.55 thuộc Tổng công ty 36;

- Quyết định số 5644/QĐ-BQP ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng v/v phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH 1 thành viên 36.55 thuộc Tổng công ty 36 thành công ty cổ phần.



- Ngày 05/05/2015 Công ty cổ phần 36.55 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, chuyển đổi từ “Công ty TNHH Một thành viên 36.55” thành “Công ty cổ phần 36.55”.


- Hồ sơ biên bản bàn giao số liệu tài chính của Công ty TNHH Một thành viên 36.55 sang Công ty cổ phần 36.55 ký ngày 25/5/2015. Trong đó: Vay ngắn hạn VPBank dư nợ số tiền là: 15.541.244.226 đồng.

- Công ty cổ phần 36.55 đã ký Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 04/6/2015 với VPBank tại Điều 1: *Kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh từ Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số TONGCUCTHUE/HĐTC/VPB-CT36.55 ngày 10/4/2015 ký giữa Công ty TNHH MTV 36.55 và Bên nhận thế chấp bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan của Hợp đồng Hợp đồng thế chấp này.*

Những nghĩa vụ này, Tổng công ty 36 và Công ty cổ phần 36.55 đã hoàn thành đầy đủ với VPBank, cụ thể như sau:

(1) Công ty TNHH Một thành viên 36.55 đã được Công ty cổ phần 36.55 hoàn thành nghĩa vụ trả hết nợ ngày 16/12/2015 số tiền: 15.541.244.226 đồng. Tại thời điểm ngày 16/12/2015, ngay sau khi Công ty cổ phần 36.55 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khoản vay này, Giấy bảo lãnh vay vốn ngày 02/01/2015 cho Công ty TNHH MTV 36.55 của Tổng công ty 36 với Ngân hàng hết hiệu lực bảo lãnh.

(2) Đối với tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty cổ phần 36.55 theo các khế ước nhận nợ là 31.309.928.000 đồng, VPBank đề nghị Tòa án Đồng Đa buộc Tổng công ty 36 – CTCP phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần 36.55 toàn bộ số tiền cả gốc và lãi vay là 19.806.765.256 đồng theo Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2024/KDTM-PT ngày 24/1/2024. Trong đó có khoản vay số tiền là: 5.002.428.000 đồng giải ngân thi công công trình Tổng cục thuế của Công ty cổ phần 36.55 thì Tổng công ty 36 – CTCP (Bên giao thầu) phải chịu trách nhiệm với Công ty CP 36.55 (Bên nhận thầu) trên cơ sở:

Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số TONGCUCTHUE/HĐTC/VPB-CT36.55 ngày 10/4/2015 ký giữa Công ty TNHH Một thành viên 36.55 với Ngân hàng đã cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản đảm bảo và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên vay để bên ngân hàng xử lý thu hồi từ Hợp đồng giao nhận thầu thi công xây dựng số 2611/HĐXD/2014 ngày 26/11/2014 về việc giao thi công xây dựng gói thầu: “Xây lắp khối công trình chính và khối các công trình phụ trợ” thuộc dự án: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Tổng cục thuế giữa Tổng công ty 36 với Công ty TNHH Một thành viên 36.55. Tổng công ty 36 – CTCP đã thanh toán đầy đủ vào tài khoản Ngân hàng theo đúng Hợp đồng giao nhận thầu thi công xây dựng số 2611/HĐXD/2014 ngày 26/11/2014 với số tiền là 339.706.253.260 đồng. 



Đồng thời, trong Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 04/6/2015 giữa Công ty cổ phần 36.55 với Ngân hàng, tại Điều 1: Kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm, không bao gồm và không có Giấy bảo lãnh vay vốn ngày 02/01/2015 của Tổng công ty 36 bảo lãnh cho Công ty TNHH Một thành viên 36.55. Vì vậy, Việc Ngân hàng yêu cầu Tổng công ty 36 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần 36.55 toàn bộ số tiền 19.806.765.256 đồng không có căn cứ, trái quy định của pháp luật.

Ngày 13/06/2016, Tổng công ty 36- CTCP được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển đổi sang công ty cổ phần, chuyển đổi từ “ Tổng công ty 36 ” thành “Tổng công ty 36 - CTCP”.

Tổng công ty 36 – CTCP đã thực hiện cổ phần hóa, chấm dứt pháp nhân công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước và chuyển đổi pháp nhân thành Công ty cổ phần. Vì vậy, giấy bảo lãnh do Tổng công ty 36 (TNHH MTV) phát hành ngày 02/01/2015 không còn hiệu lực do Tổng công ty 36 đã chấm dứt tư cách pháp nhân, để thực hiện bảo lãnh cho đơn vị được bảo lãnh là Công ty TNHH MTV 36.55 cũng đã bị chấm dứt pháp nhân không còn tồn tại do cổ phần hóa nên không phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh trong tương lai.

Mặt khác, giữa các bên Tổng công ty 36 - CTCP, Ngân hàng và Công ty cổ phần 36.55 không có bất kỳ một văn bản thỏa thuận nào chuyển giao nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty 36 – CTCP cho bên được bảo lãnh là Công ty cổ phần 36.55. Trong Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHD ngày 06/7/2016 giữa Tổng công ty 36 – CTCP với Ngân hàng tại Điều 1. Kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm không bao gồm và không có Giấy bảo lãnh vay vốn ngày 02/01/2015 của Tổng công ty 36 bảo lãnh cho Công ty TNHH Một thành viên 36.55.

Việc đại diện nguyên đơn trích dẫn biện pháp bảo đảm là không có căn cứ pháp luật và trái với quy định của tại khoản 2 điều 295 bộ luật dân sự 2015. Do đó, việc áp đặt biện pháp bảo lãnh của phía nguyên đơn là không có căn cứ.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần 36.55 trình bày:*

Hợp đồng tín dụng số 150319 ngày 19/03/2019, phụ lục hợp đồng số 03 ngày 15/12/2020 và Hợp đồng cho vay số 180119 ngày 19/03/2019 được ký giữa Công ty cổ phần 36.55 và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thời điểm ký Hợp đồng này Công ty cổ phần 36.55 đã cổ phần hóa, không còn là công ty TNHH Một thành viên 36.55 (Công ty con của Tổng Công ty 36). Tài sản bảo đảm cho các khoản vay thể hiện tại Điều 4 của Hợp đồng. Về biện pháp bảo đảm có nội dung thế chấp bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã phát sinh theo Hợp đồng thi công, không có chứng thư bảo lãnh không số ngày 02/01/2015, chứng thư này chỉ để bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH Một thành viên 36.55. ✓



Khi xác lập Hợp đồng hạn mức tín dụng số 150319/HĐHM/VPB-36.55 ngày 19/03/2019, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 15/12/2020 và Hợp đồng cho vay số 180119/HĐTD/VPB-36.55 ngày 19/03/2019 giữa Công ty cổ phần 36.55 và Ngân hàng, Công ty cổ phần 36.55 không dùng bảo lãnh vay vốn không số/TCT36-BLVV ngày 02/01/2015 của Tổng Công ty 36 để đảm bảo cho khoản vay cho hai Hợp đồng này.

- Giữa các bên Ngân hàng và Công ty cổ phần 36.55 với Tổng công ty 36 - CTCP chưa hề ký bất cứ văn bản hay thỏa thuận nào (thỏa thuận 03 bên) về việc sử dụng bảo lãnh vay vốn không số/TCT36-BLVV ngày 02/01/2015 của Tổng Công ty 36 để đảm bảo cho khoản vay cho hai Hợp đồng của Công ty cổ phần 36.55 tại Ngân hàng.

- Mặt khác, trong nội dung của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 150319/HĐHM/VPB-36.55 ngày 19/03/2019, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 15/12/2020 và Hợp đồng cho vay số 180119/HĐTD/VPB-36.55 ngày 19/03/2019 các điều khoản của hợp đồng đều không có bất cứ dòng nào thể hiện có văn bản bảo lãnh vay vốn số /TCT36-BLVV ngày 02/01/2015 của Tổng Công ty 36.

Như vậy, căn cứ vào các điều khoản trên của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 150319/HĐHM/VPB-36.55 ngày 19/03/2019, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 15/12/2020 và Hợp đồng cho vay số 180119/HĐTD/VPB-36.55 ngày 19/03/2019 cho thấy: Công ty cổ phần 36.55 vay của Ngân hàng theo hai Hợp đồng này với tổng số tiền 31.309.928.000 đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty cổ phần 36.55 đã phải thế chấp bằng quyền đòi nợ phát sinh từ các Hợp đồng nói trên (các Hợp đồng này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm); không có bất cứ dòng nào thể hiện việc bảo lãnh khoản vay này do bên thứ ba đứng ra bảo lãnh cụ thể là “Bảo lãnh vay vốn không số..../TCT36-BLVV ngày 02/01/2015 của Tổng Công ty 36”.

Để khẳng định Công ty cổ phần 36.55 thế chấp tài sản là quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng trên đối với khoản vay 31.309.928.000 đồng theo hai Hợp đồng vay tại Ngân hàng., Bản án phúc thẩm số 19/2024/KDTM-PT ngày 24/01/2024 của TAND thành phố Hà Nội quyết định như sau:

1. Công ty 36.55 phải trả cho Ngân hàng VPBank số tiền: Gốc: 12.827.500.000 đồng; lãi: 6.979.265.256 đồng; tổng cộng 19.806.765.256 đồng.

2. Trường hợp Công ty 36.55 không thanh toán được số nợ trên thì Ngân hàng VPBank có quyền cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Hợp đồng giao nhận thi công xây dựng số 2611/HĐXD/2014 ký ngày 26/11/2014 giữa Công ty 36.55 và Tổng công ty 36.....

+ Tất cả các hợp đồng liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty 36.55.....



- Ngân hàng VPBank được quyền cơ quan thi hành án xác minh, kê biên phát mại tài sản là:

+ Toàn bộ nguyên vật liệu máy móc, phụ tùng, thiết bị phục vụ thi công xây lắp...

+ Toàn bộ hàng hóa nguyên vật liệu .....

Như vậy, phán quyết nêu trên của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; nếu Công ty cổ phần 36.55 không trả được số tiền 19.806.765.256 đồng cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tuy nhiên, Ngân hàng đã không thực hiện theo bản án mà đã tiến hành khởi kiện yêu cầu Tổng công ty 36 - CTCP phải có nghĩa vụ trả thay cho Công ty cổ phần 36.55 là không có căn cứ.

Công ty cổ phần 36.55 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

*Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2025/KDTM-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - thành phố Hà Nội đã quyết định:*

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với Tổng công ty 36 – CTCP về việc buộc Tổng công ty 36 - CTCP phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần 36.55 toàn bộ số tiền Công ty cổ phần 36.55 phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2024/KDTM-PT ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo chứng thư bảo lãnh vay vốn không số /TCT36-BLVV ngày 02/01/2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu xác minh, kê biên, phát mại tài sản của Tổng Công ty 36-CTCP để thi hành nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty 36.55 trong trường hợp Tổng Công ty 36-CTCP không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 25/6/2025 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là chưa phù hợp quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

\* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tổng công ty 36 và Ngân hàng đã ký chứng thư bảo lãnh, đối tượng được Tổng công ty 36 bảo lãnh là Công ty TNHH

Một thành viên 36.55. Thời gian bảo lãnh kể từ ngày ký đến khi Công ty TNHH Một thành viên 36.55 thanh toán hết khoản nợ với Ngân hàng. Mặc dù Công ty TNHH Một thành viên 36.55 và Tổng công ty 36 đã được chuyển đổi sang Công ty cổ phần 36.55. Theo quy định của pháp luật, Công ty cổ phần 36.55 và Tổng công ty 36 – CTCP phải kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên 36.55 và Tổng công ty 36.

Công ty cổ phần 36.55 đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nên Tổng công ty 36 – CTCP phải có trách nhiệm bảo lãnh khoản vay của Công ty cổ phần 36.55 theo chứng thư bảo lãnh đã ký.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác nhận tại thời điểm chuyển đổi sang Công ty cổ phần, Công ty TNHH Một thành viên 36.55 vẫn còn khoản nợ đối với Ngân hàng, tuy nhiên sau khi chuyển đổi, khoản vay trên đã được tắt toán.

\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ của Công ty cổ phần 36.55 bởi lẽ các khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên 36.55 với Ngân hàng đã được tắt toán. Sau khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần, đến năm 2019 Công ty cổ phần 36.55 mới ký hợp đồng tín dụng để vay Ngân hàng. Đối tượng được Tổng công ty 36 bảo lãnh theo chứng thư bảo lãnh là Công ty TNHH Một thành viên 36.55 chứ không phải là Công ty cổ phần 36.55. Hơn nữa Tổng công ty 36 cũng đã được chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần. Do đó Ngân hàng yêu cầu Tổng công ty 36 – CTCP phải trả nợ cho Công ty cổ phần 36.55 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Khi chuyển đổi mô hình Công ty cổ phần 36.55 kế thừa khoản vay của Công ty 36.55 tại Ngân hàng. Tuy nhiên khoản vay này đã được tắt toán. Năm 2019 Công ty cổ phần 36.55 ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là pháp nhân mới, không còn liên quan đến Công ty TNHH Một thành viên 36.55. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ngân hàng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:



1. Về tổ tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận.

2. Xét kháng cáo của Ngân hàng:

2.1. Về yêu cầu buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Ngày 02/01/2015 Tổng công ty 36 và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ký bảo lãnh vay vốn không sổ, đối tượng được Tổng công ty 36 bảo lãnh là Công ty TNHH Một thành viên 36.55, số tiền bảo lãnh 200.000.000.000 đồng, thời gian bảo lãnh kể từ ngày vay đến khi Công ty TNHH Một thành viên 36.55 hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ nợ với Ngân hàng.

Ngày 05/5/2015 Công ty cổ phần 36.55 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên 36.55 sang Công ty cổ phần 36.55.

Xét thấy:

Điều a khoản 1 Điều 96 Bộ luật dân sự quy định: Pháp nhân chấm dứt tồn tại trong các trường hợp sau: Hợp nhất, sát nhập, chia, chuyển đổi hình thức, giải thể pháp nhân theo quy định tại các Điều 88, 89, 90, 92 và 93 của Bộ luật này.

Công ty cổ phần 36.55 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 05/5/2015, chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên 36.55 sang Công ty cổ phần 36.55. Như vậy, Công ty TNHH Một thành viên 36.55 chấm dứt tư cách pháp nhân kể từ ngày 05/5/2015. Công ty cổ phần 36.55 kế thừa quyền, nghĩa vụ dân sự của Công ty TNHH Một thành viên 36.55. Theo biên bản bàn giao số liệu tài chính của Công ty TNHH Một thành viên 36.55 sang Công ty cổ phần 36.55 ngày 25/5/2015 thể hiện: Vay ngắn hạn VPBank dư nợ 15.541.244.226 đồng. Khoản nợ này đã được Công ty cổ phần 36.55 tất toán cho Ngân hàng.

Ngày 19/3/2019 Công ty cổ phần 36.55 và Ngân hàng ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 150319/HDHM/VPB-36.55 và Hợp đồng cho vay số 180119/HDTD/VPB-36.55, ngày 15/12/2020 hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHD.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:

- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số TONGCUCTHUE/HĐTC/VPB-CT36.55 ký ngày 10/4/2015

- Các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng này.

- Các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên.

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 150319/HDHM/VPB-36.55 ngày 19/3/2019 và Hợp đồng cho vay số 180119/HDTD/VPB-36.55 ngày 19/3/2019 được ký giữa Ngân hàng và pháp nhân mới là Công ty cổ phần 36.55. Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng đã biết Công ty

TNHH Một thành viên 36.55 được chuyển đổi sang Công ty cổ phần 36.55 và Tổng công ty 36 đã được chuyển đổi sang Tổng công ty 36-CTCP nhưng Ngân hàng không làm việc với Tổng công ty 36-CTCP và Công ty cổ phần 36.55, các bên không có thỏa thuận nào về việc xác định lại đối tượng được bảo lãnh và nghĩa vụ của bên bảo lãnh.

Hội đồng xét xử thấy: Theo chứng thư bảo lãnh không số ngày 02/01/2015 thì đối tượng được Tổng công ty 36 bảo lãnh là Công ty TNHH Một thành viên 36.55 đối với Ngân hàng, thời gian bảo lãnh: Kể từ ngày vay đến khi Công ty TNHH Một thành viên 36.55 hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ nợ với VPBank. Theo chứng thư bảo lãnh, Tổng công ty 36 chỉ bảo lãnh các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai của Công ty TNHH Một thành viên 36.55 đối với Ngân hàng chứ không bảo lãnh cho Công ty cổ phần 36.55. Ngày 13/6/2016 Tổng công ty 36 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển đổi sang Tổng công ty 36 – CTCP.

Khoản 4 Điều 336 Bộ luật dân sự quy định: *Trường hợp nghĩa vụ được bảo lãnh là nghĩa vụ phát sinh trong tương lai thì phạm vi bảo lãnh không gồm nghĩa vụ phát sinh sau khi người bảo lãnh chết hoặc pháp nhân bảo lãnh chấm dứt tồn tại.*

Khoản 8 Điều 372 Bộ luật dân sự quy định: *Nghĩa vụ được chấm dứt trong các trường hợp sau đây: Bên có nghĩa vụ là cá nhân đã chết hoặc pháp nhân chấm dứt tồn tại mà nghĩa vụ phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện*

Như vậy tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Tổng công ty 36 đã chấm dứt tư cách pháp nhân nên chứng thư bảo lãnh của Tổng công ty 36 bảo lãnh cho Công ty TNHH Một thành viên 36.55 không còn hiệu lực, do đó Tổng công ty 36-CTCP không có nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty cổ phần 36.55.

2.2. Về yêu cầu xác minh, kê biên, phát mại tài sản của Tổng công ty 36-CTCP để thi hành nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần 36.55: Do Tổng công ty 36-CTCP không phải có nghĩa vụ trả thay khoản nợ của Công ty cổ phần 36.55 cho Ngân hàng nên yêu cầu này của Ngân hàng không có căn cứ chấp nhận.

3. Án phí phúc thẩm: Ngân hàng phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 92, 96, 295, 335, 336, 343, 372 Bộ luật Dân sự; ✓



Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2025/KDTM-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội)

3. Án phí phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001030 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

